

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/05/2026

V/v Tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Mai và bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2026 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 505/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2026/QĐST ngày 14 tháng 04 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2026/QĐST -HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990. Căn cước số 001190xxxxxx do Bộ C1 cấp ngày 11/10/2024.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989. CCCD số 001089xxxxxx do Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 22/09/2023.

Đều thường trú và nơi ở: Đội 1 – Đ, xã P, Thành phố Hà Nội.

(chị H có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, thành phố Hà Nội (Nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội) và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 20/10/2008. Anh, chị sống chung được một khoảng thời gian, đến năm 2019 anh Q bị kết án tội “Hiếp dâm” chấp hành hình phạt 6 năm tù, thời gian sau đó chị H và anh Q bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn cãi vã nhưng vì nghĩ tới các con nhỏ nên chị

Hvẫn tiếp tục chung sống với anh Q. Mặc dù chị H đã nhiều lần cho cơ hội sửa sai nhưng anh Q không chịu thay đổi, thường xuyên đánh đập, chửi bới khiến cả thể xác lẫn tinh thần chị H chịu nhiều đau đớn. Không thể chịu đựng được nữa, chị H đã về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã P, Hà Nội từ tháng 06/2025 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, anh Q có qua nhà mẹ đẻ chị H mục đích để vợ chồng làm lành nhưng vì nghĩ tới khoảng thời gian trước đây nên chị H không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh Q, vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Q đóng góp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị H làm công việc đánh bắt cá tại xã P thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/ tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh Q đều vắng mặt. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh Q để tổng đạt tài liệu và lấy ý kiến đương sự, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2026, anh Q trình bày: Anh và chị H lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, thành phố Hà Nội (Nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội) năm 2008. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng chỉ cãi vã bình thường, chị H sau đó có bỏ về nhà ngoại để sinh sống từ khoảng mấy tháng nay. Trong thời gian chị H về nhà mẹ đẻ, anh Q có nhắn tin và gọi điện khiến vợ chồng chửi bới lẫn nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh Q có biết, quan điểm của anh là không đồng ý, chị H muốn làm gì thì làm. Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh Q. Quan điểm của anh sau ly hôn đồng ý để chị H nuôi dưỡng 02 con chung, anh Q không đóng góp nuôi con, còn quyền các con muốn ở với ai anh đều tôn trọng ý kiến của các con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Bảo Q1 là con chung của chị H và anh Q: Trong quá trình chung sống hai cháu đã chứng kiến cảnh bố mẹ cãi chửi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bố mẹ đã sống ly thân, mỗi

người ở một nơi. Nay mẹ Hly hôn với bố Q, nguyện vọng của cháu Q1 xin được ở cùng với mẹ H, còn cháu Tuấn A Tòa xử cháu ở với ai cháu cũng đồng ý.

* Qua xác minh tại UBND xã P thể hiện: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q đều có đăng ký thường trú tại địa bàn xã và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Anh chị lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T (nay là UBND xã P) năm 2008. Trong quá trình chung sống, anh Q và chị H có nhiều mâu thuẫn, từ tháng 6 năm 2025 chị H đã về nhà mẹ đẻ tại Minh C để sinh sống đến nay. Chị H và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012. Nay chị H yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xem xét các điều kiện để đảm bảo quyền lợi cho 02 con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H cho chị H được ly hôn với anh Q. Anh Q đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012 cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh Q đến khi có yêu cầu và anh Q có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V(Nay là UBND xã P)cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Đ, xã P, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2008, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh Q không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q bị kết án tội “ Hiếp dâm” 6 năm tù, thời gian sau đó chị H và anh Q bắt đầu xảy ra những mâu thuẫn cãi vã. Mặc dù chị H đã nhiều lần cho cơ hội sửa sai nhưng anh Q không chịu thay đổi, thường xuyên đánh đập chị H dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh Q. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị Phạm Thị H đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H xin ly hôn.

[3] Về con chung: Xét chị H có công việc thu nhập ổn định, gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện chỗ ở cho ba mẹ con sau khi ly hôn cùng nguyện vọng của hai con chung nên giao chị Phạm Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi là phù hợp pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51;56;58;81;82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/07/2009 và Nguyễn Bảo Q1, sinh ngày 25/07/2012 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Q đến khi có yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0019264 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã P;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Hà